

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**  
Số: *193u* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Quảng Trị, ngày 23 tháng 10 năm 2013*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây không nung  
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020;

Căn cứ Chi thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ Xây dựng Quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng;

Căn cứ văn bản số 896/BXD-VLXD ngày 01/6/2012 của Bộ Xây dựng về việc triển khai Chi thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ văn bản số 1437/BXD-VLXD ngày 12/7/2013 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ Xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây không nung (VLXKN) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

### **I. Mục tiêu:**

#### **1. Mục tiêu chung:**

Đẩy mạnh sản xuất và sử dụng VLXKN, hạn chế sản xuất và sử dụng gạch nung phù hợp với các quy định của Chính phủ nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tiết kiệm tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường vật liệu xây dựng, đem lại hiệu quả kinh tế chung cho toàn xã hội.

## **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Đẩy mạnh sản xuất và sử dụng VLXKN đạt tỷ lệ 30% (khoảng 51 triệu viên QTC) tổng sản lượng gạch xây của tỉnh vào năm 2015 và đạt 55% (khoảng 138 triệu viên QTC) vào năm 2020.

- Quản lý các cơ sở sản xuất gạch nung tuynel bảo đảm các quy chuẩn, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và chấp hành đúng quy định về sử dụng nguyên liệu sản xuất gạch nung tại Điều 3 của Quyết định 15/2000/QĐ-BXD.

- Hạn chế, tiến đến chấm dứt hoạt động các lò gạch nung thủ công chậm nhất trong năm 2015.

## **II. Dự báo nhu cầu VLXKN:**

### **1. Dự báo nhu cầu VLXKN năm 2015:**

Huyện Vĩnh Linh + Côn Cò:	7,5 triệu viên QTC.
Huyện Gio Linh:	3,6 triệu viên QTC.
Huyện Hướng Hóa	8,7 triệu viên QTC.
Huyện Cam Lộ	1,4 triệu viên QTC.
Huyện Đakrông	0,8 triệu viên QTC.
TP Đông Hà	11,7 triệu viên QTC.
Huyện Triệu Phong	8,3 triệu viên QTC.
Huyện Hải Lăng	7,7 triệu viên QTC.
TX Quảng Trị	1,1 triệu viên QTC.
Toàn tỉnh	≈ 51 triệu viên QTC.

### **2. Dự báo nhu cầu VLXKN năm 2020:**

Huyện Vĩnh Linh + Côn Cò:	19,2 triệu viên QTC.
Huyện Gio Linh:	13,2 triệu viên QTC.
Huyện Hướng Hóa	18,6 triệu viên QTC.
Huyện Cam Lộ	3,6 triệu viên QTC.
Huyện Đakrông	1,8 triệu viên QTC.
TP Đông Hà	30,7 triệu viên QTC.
Huyện Triệu Phong	22,6 triệu viên QTC.
Huyện Hải Lăng	25,0 triệu viên QTC.
TX Quảng Trị	2,7 triệu viên QTC.
Toàn tỉnh	≈ 138 triệu viên QTC.

## **III. Định hướng phát triển:**

### **1. Đối với các cơ sở sản xuất VLXKN:**



Công suất và địa điểm cụ thể của các cơ sở sản xuất được căn cứ theo nhu cầu của thị trường và tiềm năng vùng nguyên liệu, do các nhà đầu tư chủ động tính toán, quyết định. Định hướng phát triển các loại sản phẩm VLXKN chủ yếu như sau:

(1) Gạch xi măng - cốt liệu: được sản xuất từ hỗn hợp xi măng và các loại cốt liệu (cát, đá mịn, bột đá, xỉ than), tạo cường độ bằng công nghệ rung - nén, dưỡng hộ tự nhiên; Tùy mức độ tiêu thụ nên có quy mô công suất từ 10 triệu viên/năm ÷ 40 triệu viên/năm; Phù hợp với các địa phương có nguồn tài nguyên đá mịn, bột đá và cát dồi dào, dễ khai thác; Sản phẩm có thể sử dụng cho cả khối xây chịu lực và không chịu lực.

(2) Gạch không nung làm từ đất đồi: được sản xuất trên cơ sở ép tạo hình hỗn hợp phối liệu gồm: đất sét đồi + cốt liệu (cát, bột đá) + xi măng + phụ gia, tạo cường độ bằng công nghệ rung - nén, dưỡng hộ tự nhiên; Phù hợp với các địa phương có thể mạnh về cát, đất sét đồi; Sản phẩm có thể sử dụng cho cả khối xây chịu lực và không chịu lực. Tuy nhiên, hiện nay Tiêu chuẩn quốc gia về loại sản phẩm này chưa được ban hành, do đó, nhà đầu tư phải nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn cho sản phẩm và công bố theo quy định.

(3) Bê tông nhẹ (gồm bê tông khí chưng áp và bê tông bọt): là những sản phẩm bê tông trong đó cốt liệu đá được thay bằng các túi khí hoặc bọt. Bê tông khí chưng áp dùng nguyên liệu xi măng, vôi, cát, tro, xỉ than, bột nhôm, nước; Bê tông bọt dùng nguyên liệu xi măng, cát, tro, xỉ than, chất tạo bọt, nước. Cơ sở sản xuất bê tông khí chưng áp nên chọn quy mô công suất > 50.000 m<sup>3</sup>/năm; Cơ sở sản xuất bê tông bọt nên chọn quy mô từ 10.000 m<sup>3</sup>/năm ÷ 30.000 m<sup>3</sup>/năm. Bê tông nhẹ chỉ nên sử dụng cho các khối xây không chịu lực, đặc biệt phù hợp với công trình cao tầng, ở khu vực nền đất yếu, có yêu cầu cách âm, cách nhiệt cao.

## **2. Đối với cơ sở sản xuất gạch nung tuynel:**

Không cấp phép đầu tư mới cơ sở sản xuất gạch nung tuynel. Giảm dần tổng sản lượng gạch tuynel toàn tỉnh: từ 135 triệu viên/năm (2012), đến năm 2015 còn 118 triệu viên/năm và đến năm 2020 còn 112 triệu viên/năm, tương đương công suất thiết kế của các nhà máy gạch tuynel hiện có (115 triệu viên/năm).

Tuyệt đối không sử dụng đất sản xuất nông nghiệp để làm gạch. Nguyên liệu sản xuất gạch phải tuân thủ Quyết định số 15/2000/QĐ-BXD ngày 24/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy định đầu tư sản xuất gạch ngói đất sét nung, gồm các loại đất sau đây: đất sét mỏ, đất sét đồi đã được quy hoạch sử dụng; đất sét bãi hoang không có khả năng canh tác; đất sét nạo vét khơi sâu ao, hồ, sông suối; đất ven sông ngoài hành lang bảo vệ đê, ven ngòi không dùng để sản xuất nông nghiệp, đất đê đã huỷ bỏ, đất hạ cốt ruộng đã quy hoạch theo thiết kế được duyệt.



Cơ sở sản xuất gạch nung tuynel phải đầu tư chiều sâu cải tiến công nghệ sản xuất gạch đất sét nung nhằm giảm tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu và bảo đảm các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng môi trường.

Khuyến khích sản xuất gạch nung tuynel từ nguyên liệu đất đồi; Phát triển gạch nung chất lượng cao, đặc biệt là các loại gạch xây không trát, các loại gạch nung có độ rỗng cao  $\geq 50\%$  để tiết kiệm nguyên liệu và nhiên liệu, tăng tính cách âm, cách nhiệt.

### **3. Đối với các lò gạch nung thủ công:**

Không cấp phép đầu tư mới cơ sở sản xuất gạch nung thủ công.

Xây dựng lộ trình chấm dứt hoạt động của lò gạch nung thủ công trên địa bàn tỉnh chậm nhất trong năm 2015.

### **III. Nhu cầu vốn đầu tư:**

Vốn đầu tư (gồm: chi phí xây dựng công trình sản xuất, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật trong nhà máy; chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị của dây chuyền sản xuất và thiết bị phụ trợ) được khái toán như sau:

- Vốn đầu tư giai đoạn 2013 - 2015: 71,4 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020: 121,8 tỷ đồng.

Nguồn vốn đầu tư: Hoàn toàn do doanh nghiệp đầu tư.

(Khái toán vốn đầu tư chưa bao gồm các chi phí: đền bù giải phóng mặt bằng, san nền, hạ tầng ngoài hàng rào nhà máy)

### **IV. Giải pháp phát triển VLXKN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị:**

#### **1. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách:**

Các dự án đầu tư sản xuất VLXKN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được hưởng đầy đủ các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo các quy định của Chính phủ và tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

a) Đối với các dự án chế tạo thiết bị sản xuất VLXKN nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 7 triệu viên QTC/năm trở lên: Được hưởng ưu đãi như đối với các dự án thuộc chương trình cơ khí trọng điểm (quy định tại Quyết định số 10/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

b) Được hưởng các chính sách khuyến công theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công thương Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công. Các nội dung hỗ trợ chủ yếu: đào tạo nghề; mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tổ chức hội chợ, triển lãm; xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm.



c) Về thuế:

- Thuế nhập khẩu: Được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 0% đối với các vật tư, thiết bị phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên quy định tại danh mục kèm theo Thông tư số 193/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thì được hưởng ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Thông tư số 123/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

d) Về chuyển giao công nghệ:

Doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ để thực hiện dự án đầu tư (áp dụng tại tất cả các huyện trên địa bàn tỉnh, trừ thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị) thì được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa phục vụ việc thay thế, đổi mới công nghệ và nguyên liệu, vật tư, linh kiện dùng để sản xuất trong thời hạn 5 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất theo công nghệ mới theo quy định tại Nghị định số 133/2008/NĐ-CP của Chính phủ.

Doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ để thực hiện dự án đầu tư thì được hỗ trợ theo Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cũng như hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

e. Ngoài các cơ chế chính sách của Chính phủ, các dự án sản xuất VLXKN còn được hưởng các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh.

**2. Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền:**

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chính sách của nhà nước về phát triển VLXKN, các ưu điểm, lợi thế của việc sản xuất và sử dụng VLXKN cho cơ quan quản lý nhà nước tại các địa phương, các chủ thể trong hoạt động xây dựng và toàn thể nhân dân nhằm đẩy mạnh sản xuất, sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng.

Giới thiệu, phổ biến công nghệ sản xuất VLXKN cho các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

**3. Quy định về sử dụng VLXKN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị:**

a. Các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước (theo quy định hiện hành) bắt buộc phải sử dụng VLXKN theo lộ trình:

+ Tại thành phố Đông Hà phải sử dụng 50% VLXKN kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2013 và 100% kể từ năm 2014.

+ Tại các khu vực còn lại phải sử dụng tối thiểu 50% VLXKN kể từ năm 2014 đến hết năm 2015, sau năm 2015 phải sử dụng 100%.



b. Các công trình xây dựng từ 9 tầng trở lên không phân biệt nguồn vốn, từ năm 2014 đến năm 2015 phải sử dụng tối thiểu 30% và sau năm 2015 phải sử dụng tối thiểu 50% VLXKN loại nhẹ trong tổng số vật liệu xây (tính theo thể tích khối xây).

#### **4. Quy định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc sử dụng VLXKN đối với công trình xây dựng:**

- Người quyết định đầu tư có trách nhiệm quy định việc sử dụng VLXKN theo quy định tại Quyết định này khi quyết định đầu tư dự án.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm sử dụng các loại VLXKN phù hợp với quy định tại Quyết định này.

- Nhà thầu tư vấn thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm đưa vào thiết kế công trình các loại VLXKN phù hợp.

- Nhà thầu thi công xây dựng phải tuân thủ quy định của thiết kế về sử dụng VLXKN.

- Nhà thầu tư vấn giám sát có trách nhiệm giám sát việc sử dụng VLXKN theo đúng quy định của thiết kế được duyệt.

- Các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, khi thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình, phải đảm bảo việc sử dụng VLXKN theo đúng các quy định hiện hành.

- Đối với một số công trình, có yêu cầu đặc thù không sử dụng vật liệu xây không nung thì phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

##### **1. Trách nhiệm chung:**

Các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm tăng cường công tác tuyên truyền để cán bộ, công chức và toàn thể nhân dân hiểu rõ hơn về ưu điểm, lợi thế của sản xuất và sử dụng VLXKN; đồng thời đẩy mạnh công tác kêu gọi và xúc tiến đầu tư, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chính sách của Chính phủ thuộc phạm vi quản lý, nhằm khuyến khích phát triển sản xuất và sử dụng VLXKN trên địa bàn tỉnh.

##### **2. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh:**

###### *a. Sở Xây dựng:*

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình UBND tỉnh ban hành các quy định, hướng dẫn về sản xuất và sử dụng VLXKN.

- Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư trong việc triển khai thực hiện các dự án sản xuất VLXKN.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng theo quy định của Quyết định này.



- Phối hợp với các Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra các cơ sở sản xuất gạch về chấp hành quy định bảo vệ môi trường và việc khai thác, sử dụng tài nguyên để sản xuất gạch.

- Phối hợp với Sở Tài chính công bố giá các loại VLXKN trên địa bàn tỉnh hàng tháng.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh về tình hình thực hiện Đề án; chủ động tham mưu, đề xuất các biện pháp để Đề án được thực hiện có hiệu quả.

#### *b. Sở Kế hoạch và Đầu tư:*

Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi hỗ trợ đầu tư và đơn giản hóa thủ tục đầu tư đối với các dự án sản xuất VLXKN. Không cấp phép đầu tư mới cơ sở sản xuất gạch nung. Khi cấp giấy phép đầu tư cho các cơ sở sản xuất VLXKN phải lấy ý kiến các đơn vị liên quan và căn cứ định hướng tại Quyết định này.

#### *c. Sở Tài chính:*

Hướng dẫn thực hiện các ưu đãi liên quan đến chính sách tài chính, thuế cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất VLXKN trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá các loại VLXKN trên địa bàn tỉnh hàng tháng.

#### *d. Sở Tài nguyên và Môi trường:*

- Hướng dẫn thực hiện các công tác: giải phóng mặt bằng, cấp phép thăm dò, khai thác mỏ nguyên liệu và các ưu đãi về đất đai đối với các dự án đầu tư sản xuất VLXKN trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành, địa phương liên quan kiểm tra các cơ sở sản xuất gạch về chấp hành quy định bảo vệ môi trường và khai thác, sử dụng tài nguyên để sản xuất gạch.

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản, đất đai và môi trường tới các cấp chính quyền địa phương và người dân.

#### *e. Sở Công Thương:*

- Ưu tiên bố trí kinh phí khuyến công hàng năm vào việc hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất gạch không nung.

- Hướng dẫn thực hiện các ưu đãi liên quan đến chính sách khuyến công, chương trình cơ khí trọng điểm đối với các dự án đầu tư sản xuất VLXKN.

#### *g. Sở Khoa học và Công nghệ:*

- Tổ chức các hoạt động giới thiệu, phổ biến công nghệ sản xuất VLXKN cho các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

- Hướng dẫn thực hiện các ưu đãi về chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các dự án đầu tư sản xuất VLXKN.



- Ưu tiên bố trí vốn từ nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học hàng năm và Quỹ phát triển KH-CN vào việc hỗ trợ các hoạt động liên quan đến phát triển sản xuất và sử dụng VLXKN.

*h. Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh:*

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình để phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện kế hoạch này. Khi cấp giấy phép đầu tư cho các cơ sở sản xuất VLXKN trong các Khu công nghiệp, Khu kinh tế phải lấy ý kiến các đơn vị liên quan và căn cứ định hướng tại Quyết định này.

*i. Các Sở, Ban, Ngành liên quan:* Theo chức năng của mình tích cực phối hợp trong việc thực hiện kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

**3. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố, thị xã:**

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng của huyện, thành phố, thị xã tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định của Quyết định này. Khi cấp giấy phép đầu tư cho các cơ sở sản xuất VLXKN phải lấy ý kiến các đơn vị liên quan và căn cứ định hướng tại Quyết định này.

- Phối hợp với các Sở, Ngành liên quan tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất gạch về chấp hành quy định bảo vệ môi trường và việc khai thác, sử dụng tài nguyên để sản xuất gạch.

- UBND huyện Vĩnh Linh chủ trì, phối hợp các Sở, Ban ngành, tổ chức và cá nhân liên quan xây dựng lộ trình chấm dứt hoạt động Lò gạch nung thủ công của Hợp tác xã Hiền Dũng (thôn Linh Đơn, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh) chậm nhất trong năm 2015.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ; Trưởng ban Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP, CV;
- TT Tin học (đăng website);
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Cường**